

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2019

Trường Đại học Hồng Đức thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2019 như sau:

1. Các chuyên ngành và môn thi tuyển sinh

TT	Chuyên ngành	Chỉ tiêu	Các môn thi		
			Môn không chủ chốt	Môn chủ chốt	Ngoại ngữ
1	Khoa học cây trồng	150	Kỹ thuật SX cây trồng	Sinh lý thực vật	Tiếng Anh
2	Toán giải tích		Đại số	Giải tích	
3	Đại số và lý thuyết số				
4	Vật lý chất rắn		Toán cho vật lý	Cơ sở vật lý	
5	Ngôn ngữ Việt Nam		Ngôn ngữ và Văn học Việt Nam	Lí luận văn học	
6	Văn học Việt Nam				
7	Lý luận và PPDHBM Văn- TV				
8	Lịch sử Việt Nam		Phương pháp luận sử học	Lịch sử Việt Nam	
9	Thực vật học		Di truyền học	Sinh học đại cương	
10	Động vật học				
11	Khoa học máy tính		Toán rời rạc	Cơ sở lập trình	
12	Quản lý giáo dục		Giáo dục học	Đại cương về quản lý giáo dục	
13	Địa lý học		Địa lý tự nhiên đại cương	Địa lý kinh tế xã hội đại cương	
14	Kỹ thuật xây dựng		Vật liệu xây dựng	Sức bền vật liệu	

2. Đối tượng và điều kiện dự thi

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học (chính quy hoặc không chính quy) ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi, hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi sau khi đã bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương.

b) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác dự thi vào chuyên ngành *Quản lý giáo dục*, phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm và sau khi đã bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương.

(Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và môn học bổ sung kiến thức, xem Phụ lục kèm theo)

3. Điều kiện được miễn thi môn ngoại ngữ

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng Tiếng Anh được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ Tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh: 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS; chứng chỉ tiếng Anh (Khung Châu Âu) và bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi.

4. Chính sách ưu tiên đối với thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ

4.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.1. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại mục 3 của thông báo này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi còn lại.

5. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt **50% của thang điểm đối với mỗi môn thi** (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi (môn chủ chốt và môn không chủ chốt) của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
- b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;
- c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường đại học Hồng Đức, Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học, đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài thì được xét tuyển. Nếu chưa đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 thì phải học dự bị tiếng Việt 01 năm tại Trường đại học Hồng Đức trước khi được xét tuyển.

6. Hồ sơ dự thi:

- 1- Đơn đăng ký dự thi (*theo mẫu*),
- 2- Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học,
- 3- Bản sao có công chứng bảng điểm đại học, bảng điểm học bổ sung/chuyên đổi (*nếu có*),
- 4- Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*) có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc xác nhận của địa phương,
- 5- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa,
- 6- Bản sao có công chứng chứng chỉ ngoại ngữ, bằng đại học ngoại ngữ (*nếu có*)
- 7- 2 ảnh 4 x 6 (ghi rõ họ tên, ngày sinh vào mặt sau ảnh),
- 8- 2 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận,
- 9- Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên,
- 10- Giấy xác nhận đồng ý cử đi học của cơ quan chủ quản (*nếu có*).

7. Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung 02 năm (24 tháng), riêng chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng : 1,5 năm (18 tháng).

8. Thời gian thi tuyển sinh: Dự kiến ngày 28, 29 tháng 9 năm 2019

9. Thời gian phát hành và tiếp nhận hồ sơ: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với thí sinh dự thi là đối tượng có ngành đúng và ngành phù

hợp; phát hành và thu Hồ sơ đăng ký dự thi tại phòng 606, 607 Nhà điều hành - Cơ sở chính (565 Quang Trung 3 - P.Đông Vệ - TP Thanh Hóa).

Thí sinh có nhu cầu ôn tập đăng ký, liên hệ với các khoa đào tạo từ ngày 10 tháng 8 năm 2019. Chuyên ngành Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Lý luận & PPDH Văn - Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam, Địa lý học - Khoa Khoa học Xã hội (ĐT: 0916.582.836); chuyên ngành Khoa học cây trồng - khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp (ĐT: 0946.274.313); chuyên ngành: Toán Giải tích, Đại số và lý thuyết số, Thực vật học, Động vật học - khoa Khoa học Tự nhiên (ĐT: 0948.301.585); chuyên ngành Vật lý chất rắn, Kỹ thuật xây dựng - Khoa Kỹ thuật công nghệ (ĐT: 0917.442.588), chuyên ngành: Khoa học máy tính – Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông (ĐT: 0918.250.012); chuyên ngành Quản lý giáo dục – Khoa Tâm lý-Giáo dục (ĐT: 0941.262.299).

10. Thời gian học bổ sung kiến thức: Vào các ngày thứ 7, chủ nhật và các buổi tối trong tuần

- Thí sinh dự thi là ngành khác: Từ 09/8 – 10/9/2019.

- Thí sinh dự thi là ngành gần: Từ 24/8 – 10/9/2019

Chi tiết xin liên hệ: Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Hồng Đức : P.606, P.607 Nhà Điều hành, Cơ sở Chính (565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Điện thoại: 02373.911.679; 0944.873.363; 0919.114.688

Website: www.hdu.edu.vn *ngmb*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để BC)
 - Ban giám hiệu (để BC)
 - Các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh;
 - UBND các huyện, các phòng GD;
 - Các CQ, DN, trường THPT, THCS;
 - Các đơn vị trong trường;
 - Lưu: VT, SĐHC
- } (phối hợp t.hiện)



PGS. TS Hoàng Thị Mai

PHỤ LỤC

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các học phần bổ sung kiến thức dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2019

(Ban hành kèm theo Thông báo số 81 /TB-ĐHHD ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Chuyên ngành Cao học dự tuyển	Tên ngành Đại học đúng và phù hợp	Ngành gần		
			Tên ngành Đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Toán giải tích, Mã số: 8460102	Sur phạm Toán, Cử nhân Toán học	Sur phạm Toán - Lý, Toán – Tin; Toán – Hóa, Toán – Sinh:	- Phương trình đạo hàm riêng	2
2	Đại số và lý thuyết số Mã số: 8460104			- Hình học xạ ảnh - Hình học vi phân - Đại số đại cương nâng cao - Lý thuyết modun - Giải tích hàm	2 3 2 2 2
3	Khoa học cây trồng, Mã số: 8620110	Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Nông học, Di truyền và chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật	Nhóm ngành 1: Sur phạm KT nông nghiệp; Kỹ thuật nông nghiệp; Nông nghiệp; Sinh - KT Nông nghiệp; Công nghệ rau quả và cảnh quan:	- Cây lương thực - Cây công nghiệp - Cây ăn quả - Nông nghiệp công nghệ cao - Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng - Côn trùng nông nghiệp - Bệnh cây nông nghiệp	2 2 2 2 2 2 2
			Nhóm ngành 2: Sinh học; Công nghệ sinh học; Sur phạm Sinh học; Khuyến nông; Phát triển nông thôn; Kinh doanh nông nghiệp; Lâm nghiệp; Lâm sinh; Nông Lâm kết hợp; Quản lý tài nguyên rừng:	- Sinh lý thực vật - Chọn giống cây trồng - Khoa học đất - Phân bón - Cây lương thực - Cây công nghiệp - Cây ăn quả - Nông nghiệp công nghệ cao - Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng - Côn trùng nông nghiệp - Bệnh cây nông nghiệp - Bảo quản chế biến nông sản	2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2

4	Ngôn ngữ Việt Nam, Mã số: 8220102	Sur phạm Ngữ văn, Ngữ văn, Ngôn ngữ học, Văn học.	Việt Nam học, Hán Nôm, Ngôn ngữ các dân tộc ít người Việt Nam, Văn hóa học (Việt Nam), Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Báo chí:	- Dẫn luận ngôn ngữ - Ngữ âm tiếng Việt - Từ vựng- Ngữ nghĩa tiếng Việt - Ngữ pháp tiếng Việt - Phong cách học - Ngữ dụng học	2 3 3 3 3 3
5	Lý luận và PP dạy học bộ môn Văn- Tiếng Việt, Mã số: 8140111	Sur phạm Ngữ văn, Sur phạm Văn – Sử	Văn học, Ngữ văn, Ngôn ngữ (tiếng Việt), Văn – Sử: (Nếu học viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Ngữ văn và bảng điểm thi không phải học bổ sung kiến thức)	- Phương pháp dạy học Văn - Phương pháp dạy học tiếng Việt - Phương pháp dạy học Làm văn - Tâm lý học đại cương - Giáo dục học đại cương	3 3 3 3 3
6	Văn học Việt Nam, Mã số: 8220121	Sur phạm Ngữ văn, Ngữ văn, Văn học.	- Ngôn ngữ học, Hán Nôm, Văn hóa (Việt Nam), Báo chí:	- Lý luận văn học - Văn học Việt Nam 1 - Văn học Việt Nam 2 - Văn học nước ngoài - Văn học dân gian	2 4 4 4 2
7	Lịch sử Việt Nam, Mã số: 8229013	Sur phạm Lịch sử, Lịch sử.	Bảo tồn bảo tàng, Sur phạm Văn- Sử, Văn - Sử, Việt Nam học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:	- Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam. - Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giai đoạn 1954 – 1975. - Đặc điểm quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay. - Làng xã Việt Nam - Phương pháp luận sử học	2 3 3 3 2
8	Vật lý chất rắn, Mã số: 8440104	Sur phạm Vật lý, Vật lý, Vật lý kỹ thuật.	Sur phạm Lý Hóa, Sur phạm Vật lý kỹ thuật, Cử nhân Lý hóa:	- Cơ học lượng tử - Nhiệt động lực học và Vật lý thống kê, - Điện động lực học, - Cơ lý thuyết	3 3 3 3
9	Thực vật học, Mã số: 8420111	Cử nhân sinh học; Sinh học – Kỹ thuật nông nghiệp	Nhóm ngành 1: Công nghệ sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Lâm nghiệp; Lâm sinh; Nhóm ngành 2: Cử nhân Quản lý tài nguyên rừng; Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Nông học:	- Dinh dưỡng khoáng, ni tơ - Tập tính động vật; - Tiến hóa; - Di truyền học quần thể và Di truyền học người - Dinh dưỡng khoáng, ni tơ - Tập tính động vật; - Tiến hóa; - Di truyền học quần thể và Di truyền học người; - Động vật học;	2 2 3 3 2 2 3 3 3

				- Giải phẫu sinh lý động vật và người	4
10	Khoa học máy tính, Mã số: 8480101	Khoa học máy tính; Công nghệ phần mềm; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Tin học; Công nghệ thông tin; Sư phạm tin học; Kỹ thuật máy tính	Nhóm ngành 1: Mạng máy tính và truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Công nghệ truyền thông.	- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật; - Cơ sở dữ liệu - Lập trình hướng đối tượng	3 3 3
			Nhóm ngành 2: Điện tử viễn thông; Toán – Tin; Vật lý-Tin học; Hệ thống thông tin quản lý; Cơ điện tử; Điều khiển tự động; Toán tin ứng dụng; Tin học Công nghiệp; Sư phạm Kỹ thuật Tin; An toàn thông tin; Công nghệ Kỹ thuật máy tính:	- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật; - Cơ sở dữ liệu; - Toán rời rạc; - Lý thuyết đồ thị; - Lập trình hướng đối tượng; - Mạng máy tính.	3 3 2 2 3 3
11	Quản lý giáo dục, Mã số: 8140114	Quản lý giáo dục	Nhóm ngành 1: Đại học sư phạm các ngành, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm:	- Đại cương về quản lý giáo dục - Tổ chức khoa học lao động của người cán bộ quản lý. - Xã hội học giáo dục	2 2 2
			Nhóm ngành 2: Tốt nghiệp đại học các ngành khác, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý văn hóa giáo dục:	- Giáo dục học - Tâm lý học - Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục - Đại cương về quản lý giáo dục - Xã hội học giáo dục - Tổ chức khoa học lao động của người cán bộ quản lý.	3 3 2 2 2 2
12	Động vật học Mã số: 8420103	Cử nhân sinh học; ĐHSP Sinh học; ĐHSP Sinh học – Kỹ thuật nông nghiệp; ĐH Sinh – Môi trường	- ĐH Công nghệ sinh học, ĐH Lâm nghiệp, ĐH Sinh học ứng dụng, Đại học Nông học, ĐH Nông nghiệp (Khoa: Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Thú y)	Sinh viên học Bổ sung kiến thức 5/8 HP tùy theo từng ngành: - Hóa sinh học - Động vật học - Vi sinh vật học - Di truyền học - Sinh thái học - Đa dạng sinh học - Tiến hóa - Sinh học phân tử	3 3 3 3 3 2 2 3
13	Địa lý học Mã số: 8310501	ĐHSP Địa lý, ĐH Địa lý học.	Nhóm 1: ĐH Địa chất, ĐH Khí tượng học, ĐH Thủy văn, ĐH Hải dương học,	- Địa lý tự nhiên đại cương - Địa lý KT –XH đại cương - Bản đồ học - Các quy luật địa lý chung	2 2 2 2

			ĐH Bản đồ học	của Trái Đất	
			Nhóm 2: ĐH Quản lý tài nguyên và môi trường, ĐH Việt Nam học, ĐH Quản lý đất đai	- Địa lý tự nhiên đại cương	2
				- Địa lý tự nhiên đại cương	2
				- Địa lý KT –XH đại cương 1	2
				- Địa lý KT –XH đại cương 2	2
				- Bản đồ học	2
				- Các quy luật địa lý chung của Trái Đất	2
14	Kỹ thuật xây dựng Mã số: 8580201	ĐH Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật công trình xây dựng, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Xây dựng cầu đường, Xây dựng công trình thủy lợi	Đại học các ngành kỹ thuật liên quan đến xây dựng	Căn cứ vào bảng điểm đại học của thí sinh để lựa chọn các học phần bổ sung kiến thức (tối đa 16 tín chỉ): - Thiết kế và thi công nhà cao tầng - Thiết kế và thi công đường ô tô - Thiết kế và thi công cầu bê tông cốt thép - Dự toán xây dựng - Tổ chức xây dựng - Kết cấu bê tông dự ứng lực - Kiến trúc công trình - Kết cấu bê tông cốt thép - Kết cấu thép - Kỹ thuật xây dựng công trình bê tông - Kỹ thuật xây dựng công trình đất đá	4 4 4 2 3 3 4 3 2 2 2

KT. HIỆU TRƯỞNG *ngon*
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS Hoàng Thị Mai